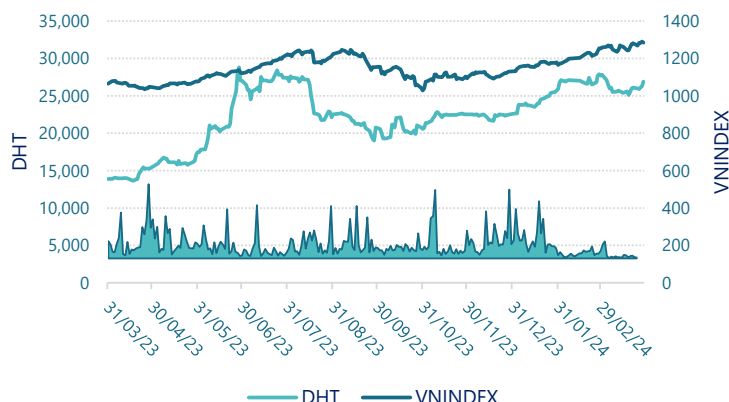


CTCP Dược phẩm Hà Tây (HNX: DHT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	26,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,635
SL cổ phiếu LH	82,340,260
KLGD BQ 20 phiên (CP)	154,730
% sở hữu nước ngoài	26.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,215
P/E	30.2
EPS	890

DT thuần

Q1/24

506

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 32.0 | 6.7%

YoY: ▲ 7.00 | 1.3%

LN sau thuế

Q1/24

16.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.60 | -3.9%

YoY: ▼ 11.3 | -41.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

6.5%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

2023

1,999

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 162 | 8.8%

LN sau thuế

2023

89.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 10.0 | -10.1%

ROE

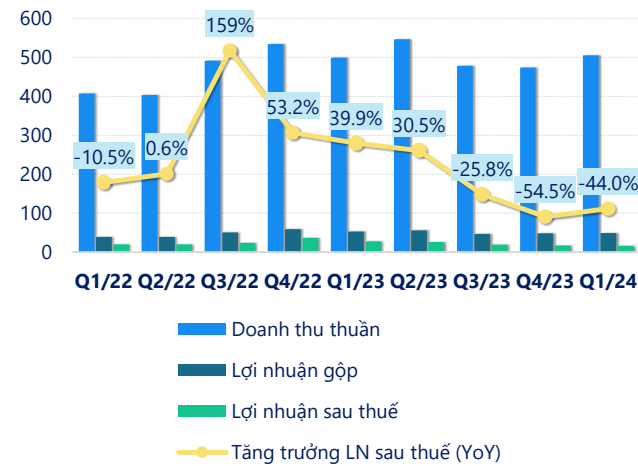
2023

9.1%

+/- YoY: ▼ 3.2%

tỷ VNĐ

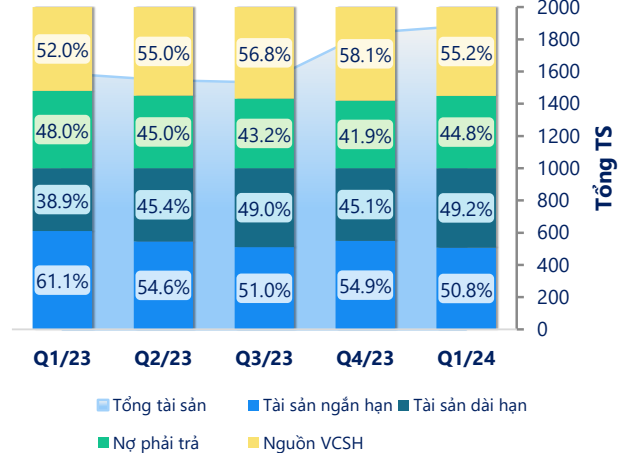
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

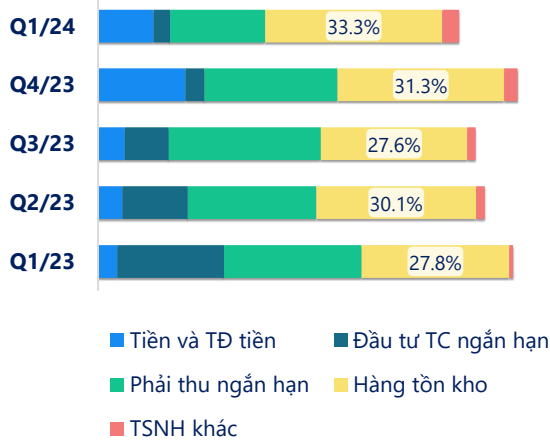
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



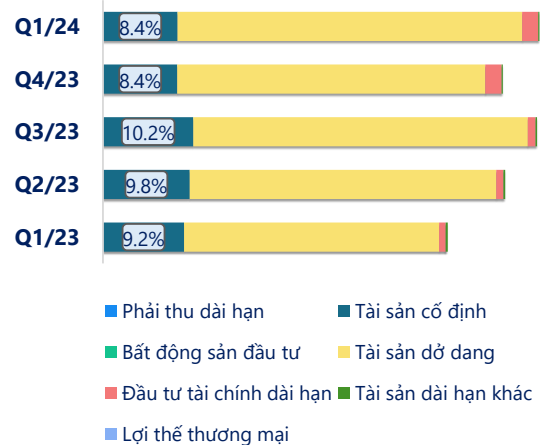
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

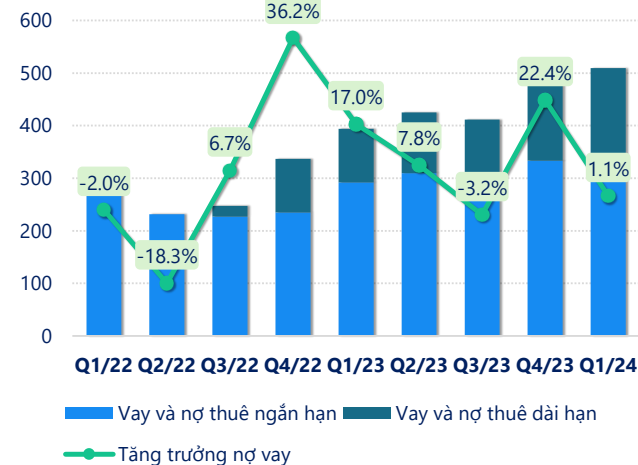
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

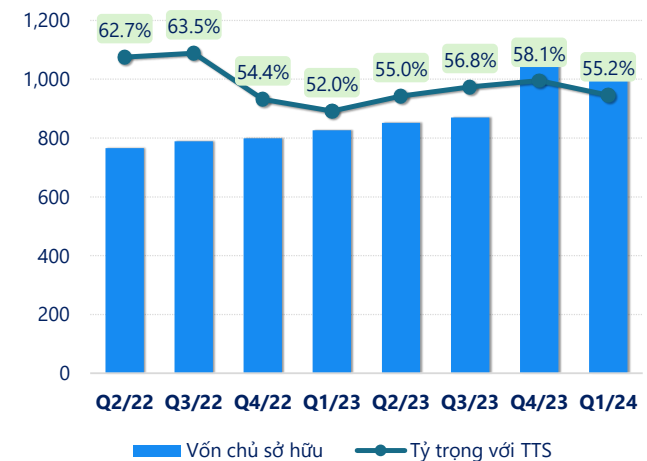
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

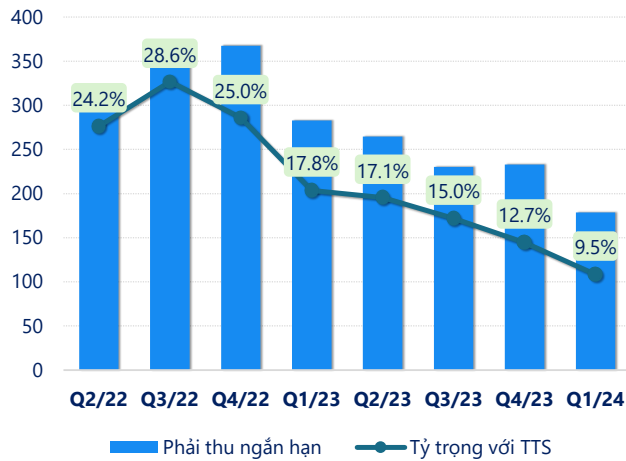
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



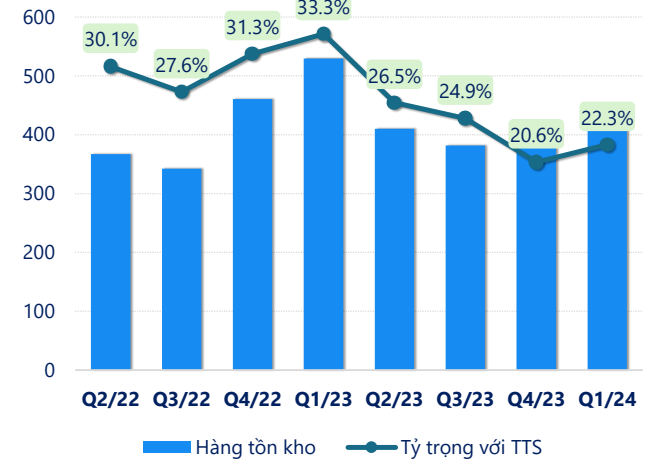
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


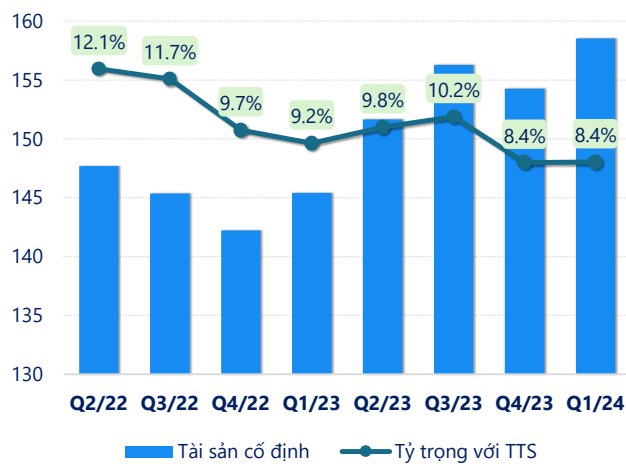
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


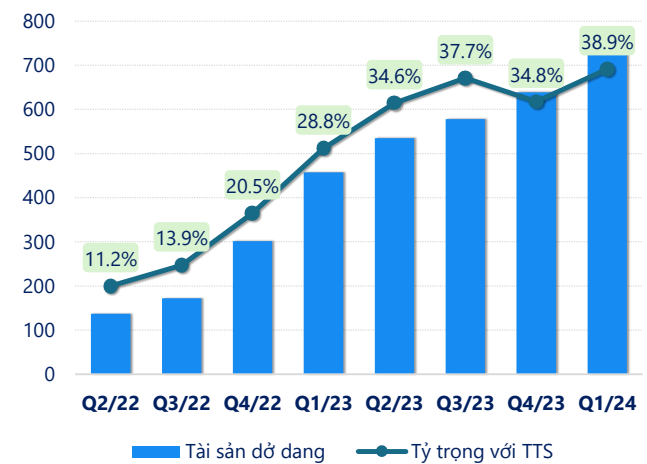
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

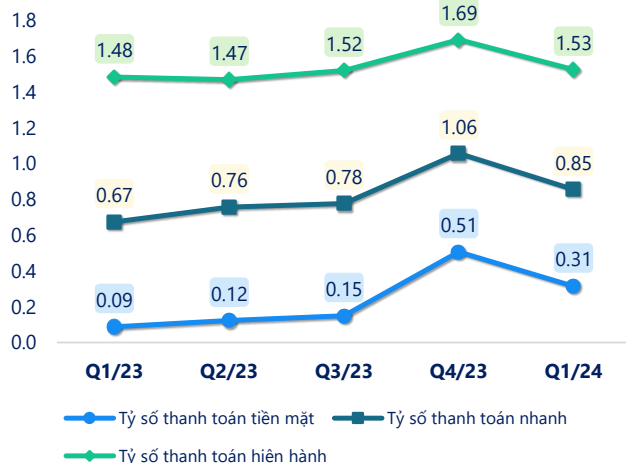
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

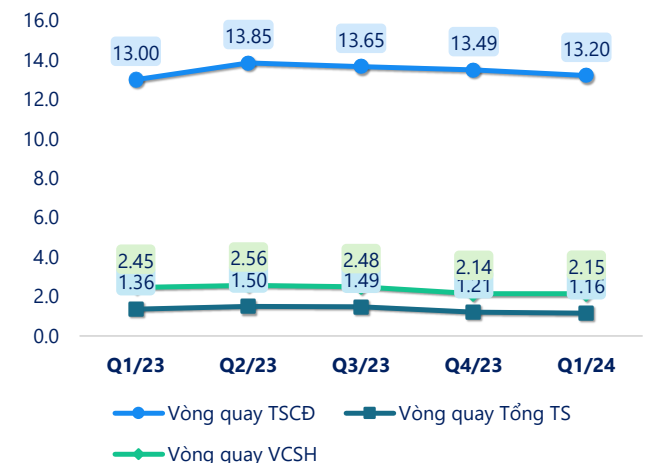
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	1,588	1,547	1,531	1,838	1,885
Tài sản ngắn hạn	970	845	781	1,009	957
Tiền và tương đương tiền	57.4	70.4	76.6	302	197
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	50.0	80.0	80.0	140
Phải thu ngắn hạn	283	265	230	233	179
Hàng tồn kho	529	410	382	379	421
Tài sản ngắn hạn khác	50.7	50.0	12.6	15.2	20.1
Tài sản dài hạn	618	702	750	830	928
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	145	152	156	154	159
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	457	535	578	639	733
Đầu tư tài chính dài hạn	11.7	12.7	13.6	34.0	34.1
Tài sản dài hạn khác	3.40	3.04	2.35	2.51	2.24
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	762	696	661	771	845
Nợ ngắn hạn	654	575	514	596	627
Vay và nợ thuê ngắn hạn	292	310	269	333	296
Phải trả người bán ngắn hạn	240	166	149	146	192
Nợ dài hạn	108	121	147	175	218
Vay và nợ thuê dài hạn	102	115	142	170	213
Nguồn vốn chủ sở hữu	826	851	870	1,067	1,040
Vốn chủ sở hữu	826	851	870	1,067	1,040
Vốn điều lệ	264	739	739	823	823
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)